

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 12 /2025/KDTM-ST
Ngày: 25 - 9- 2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Lộc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Thu

Bà Dương Thị Hồng Liên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 05/2025/TLST-KDTM ngày 22 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2025.QDHPT-KDTM ngày 15/9/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất Thành phố H; địa chỉ: Số B T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn P, Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Dương Thị Thi T, sinh năm 1983; địa chỉ: C Chung cư D, đường C, phường L, thành phố T. Theo văn bản uỷ quyền Số: 42/CMID ngày 18/6/2025. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty cổ phần T1; địa chỉ: Khu Công nghiệp T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị;

Đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn H Tổng Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2025 và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà T trình bày:*

Ngày 18/01/2018, Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất Thành phố H (gọi tắt: CMID) và Công ty CP T1 (gọi tắt: Tân Hoàn C) có ký Hợp đồng mua bán số 20/THC-CMID/HĐMB/2018. Công ty C1 là bên bán xi măng cho Công ty T1. Theo Điều 1 Hợp đồng, các bên thỏa thuận loại hàng hóa là Xi

măng Vicem H- Gia cố nền đất PCB BFS 40 (loại II); Khối lượng 60 tấn; đơn giá: 1.510.000 đồng; thành tiền: 90.600.000.000 đồng.

Điều 3 Hợp đồng, Bên bán đồng ý cho bên mua chậm thanh toán tiền hàng trong vòng 45 ngày, với phương thức như sau: Trong tháng chia làm 02 đợt; đợt 1 từ ngày 01 đến ngày 15; đợt 2 từ ngày 16 đến ngày kết thúc hàng tháng. Sau mỗi đợt kết thúc, hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng và xuất hóa đơn. Chậm nhất trong vòng 30-40 ngày sau liền kề của mỗi đợt kết thúc, bên mua thanh toán 100% công nợ phát sinh tương ứng của mỗi đợt cho bên bán. Bên bán (CMID) đã giao hàng và xuất 08 hóa đơn cho bên mua T:

- + Hóa đơn số 14959 ngày 29/4/2020, số tiền: 522.243.397 đồng.
- + Hóa đơn số 14993 ngày 15/5/2020, số tiền: 616.308.000 đồng.
- + Hóa đơn số 15044 ngày 30/5/2020, số tiền: 567.844.200 đồng.
- + Hóa đơn số 15082 ngày 15/6/2020, số tiền: 570.262.000 đồng.
- + Hóa đơn số 15112 ngày 30/6/2020, số tiền: 203.957.600 đồng.
- + Hóa đơn số 15130 ngày 15/7/2020, số tiền: 361.237.800 đồng.
- + Hóa đơn số 20001 ngày 31/7/2020, số tiền: 566.843.200 đồng.
- + Hóa đơn số: 20022 ngày 15/8/2020, số tiền: 151.566.800 đồng.

Tổng số tiền bán hàng là: 3.560.262.997 đồng

Ngày 31/3/2021, Công ty C1 và Công ty T1 có lập biên bản đối chiếu công nợ. Số tiền Công ty T1 xác nhận còn nợ là 3.560.262.997 đồng.

Ngày 17/01/2023, Công ty T1 trả cho Công ty C1 số tiền 1.000.000.000đ theo Ủy nhiệm chi. Đến nay, Công ty T1 không thanh toán tiếp số tiền còn lại.

Công ty C1 đã làm đơn khởi kiện với yêu cầu, Công ty Cổ phần T1 phải trả cho Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất Thành phố H số tiền 4.047.985.396 đồng, bao gồm: 2.560.262.997 đồng tiền gốc do mua hàng và 1.487.722.399 đồng tiền lãi do chậm thanh toán.

Diễn giải tiền lãi chậm thanh toán được tính như sau: lãi suất 10%/năm.

-Tính từ ngày thứ 45 kể từ ngày xuất hóa đơn của mỗi đợt đến ngày 17/01/2023 là: 881.676.583 đồng, theo từng hóa đơn như sau:

- + Hóa đơn số 14959 ngày 29/4/2020, số tiền: 522.243.397 đồng, ngày phải thanh toán: 14/6/2020, tiền lãi đến ngày 17/01/2023: 135.640.203 đồng.
- + Hóa đơn số 14993 ngày 15/5/2020, số tiền: 616.308.000 đồng, ngày phải thanh toán: 30/6/2020, tiền lãi đến ngày 17/01/2023 : 157.369.604 đồng.
- + Hóa đơn số 15044 ngày 30/5/2020, số tiền: 567.844.200 đồng, ngày phải thanh toán: 15/7/2020, tiền lãi đến ngày 17/01/2023: 142.661.132 đồng.
- + Hóa đơn số 15082 ngày 15/6/2020, số tiền: 570.262.000 đồng, ngày phải thanh toán: 31/7/2020, tiền lãi đến ngày 17/01/2023: 140.768.784 đồng.
- + Hóa đơn số 15112 ngày 30/6/2020, số tiền: 203.957.600 đồng, ngày phải thanh toán: 15/8/2020, tiền lãi đến ngày 17/01/2023: 49.508.612 đồng.
- + Hóa đơn số 15130 ngày 15/7/2020, số tiền: 361.237.800 đồng, ngày phải thanh toán: 30/7/2020, tiền lãi đến ngày 17/01/2023: 89.270.273 đồng.
- + Hóa đơn số 20001 ngày 31/7/2020, số tiền: 566.843.200 đồng, ngày phải thanh toán: 15/9/2020, tiền lãi đến ngày 17/01/2023: 132.781.078 đồng.
- + Hóa đơn số: 20022 ngày 15/8/2020, số tiền: 151.566.800 đồng, ngày phải thanh toán: 29/10/2020, tiền lãi đến ngày 17/01/2020: 33.676.897 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 18/01/2023: Do ngày 17/01/2023, Công ty T1 có trả 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) nên số tiền nợ gốc còn lại là 2.560.262.997đ. Vì vậy, số tiền lãi được tính từ ngày 18/01/2023 đến 30/5/2025, lãi suất 10%/năm là 606.045.816 đồng. Tổng số tiền lãi là 1.487.722.399 đồng.

- Tính đến ngày xét xử ngày 25/9/2025 Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất Thành phố H yêu cầu Công ty cổ phần T1 phải trả 4.130.755.543 đồng, trong đó, nợ gốc: 2.560.262.997 đồng, nợ lãi 1.570.492.546 đồng.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng phía bị đơn Công ty cổ phần T1 không có mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán” tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh phía bị đơn có trụ sở tại trong địa phận của Tòa án nhân dân khu vực 1. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

[2] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nhưng chỉ có đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Tòa án lập Biên bản không hoà giải được, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án đã ra Quyết định xét xử vụ án; Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần 02 đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất Thành phố H yêu cầu Công ty cổ phần T1 phải trả nợ số tiền nợ gốc (Mua xi măng) 2.560.262.997 đồng.

Công ty cổ phần T1, bên mua (Gọi tắt bên A) và Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất Thành phố H bên bán (Gọi tắt bên B) hai bên ký kết cùng nhau Hợp đồng mua bán số: 20/THC-CMID/HĐMB/2028 với nội dung: Bên B đồng ý bán cho bên A Xi măng V, Gia cố nền đất PCB BFS 40 (loại II). Đơn vị tính, khối lượng tạm tính 60.000 tấn, đơn giá 1.510.000 đồng, thành tiền 90.600.000.000 đồng. Đơn giá trên đã bao gồm 10% thuế Giá Trị G (gọi tắt là "VAT"), chi phí vận chuyển và phí bơm xi măng lên silô trạm bê tông của Bên Mua tại Công trình. Chất lượng: Theo các tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án và nhà máy. Khối lượng: Theo yêu cầu thực tế của bên Mua, thể hiện thông qua các yêu cầu đặt hàng, khối lượng giao nhận được nghiệm thu giữa 2 Bên. Hình thức Hợp Đồng: Đơn giá cố định đến khi kết thúc hợp đồng.

Thời gian đặt hàng, giao hàng: Bên mua có trách nhiệm thông báo kế hoạch nhận hàng cho Bên Bán trước thời điểm dự kiến giao hàng ít nhất là 24 giờ bằng điện thoại/Email từ người có thẩm quyền hoặc bằng fax.

Trong trường hợp kế hoạch nhận hàng được Bên Mua thông báo bằng điện thoại thì trong vòng 08 giờ sau Bên Mua phải fax kế hoạch nhận hàng cho Bên Bán để xác nhận.

Địa điểm giao hàng: Bên Bán thực hiện giao hàng hóa theo Điều 1 của Hợp đồng này, bơm xi măng lên si lô của bên mua (gọi tắt là "Kho hàng") tại công trường thi công Dự án.

Phương thức giao nhận hàng, kiểm soát khối lượng: Bên Bán giao hàng hóa cho bên mua đúng trọng lượng, số lượng và chất lượng. Số lượng hàng được theo phương thức: Bên Bán sẽ vận chuyển bằng xe bồn chuyên dụng, có niêm phong kẹp chì và được xác định qua thiết bị cân của nhà máy S, số lượng được tính theo từng bồn của xe.

Giá trị thanh quyết toán hợp đồng căn cứ vào khối lượng kiểm tra thực tế, được xác nhận bằng biên bản nghiệm thu giữa Hai bên.

Đơn giá thanh toán : Đơn giá cố định trong suốt thời gian cung cấp

Hình thức thanh toán: chuyển khoản qua ngân hàng

Thời hạn thanh toán : Theo từng đợt hàng được hai bên xác nhận.

Sau khi ký kết hợp đồng bên B đã cung ứng đầy đủ số lượng hàng, chủng loại như trong hợp đồng, xuất hàng đầy đủ theo yêu cầu của bên A.

Bên B đã xuất bán 8 hoá đơn bán hàng cho bên A và căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2021 đã xác định bên A nợ bên B với số tiền 3.560.262.997 đồng có chữ ký của bên A và bên B. Đến ngày 17/01/2023 bên A đã chuyển 1.000.000.000 đồng trả cho bên B. Số tiền còn lại 2.560.262.997 đồng từ đó đến nay chưa trả mặc dù bên B đã đòi nhiều lần.

Căn cứ vào Hợp đồng đã ký kết giữa bên A và bên B đã thực hiện hợp đồng sau khi thực hiện hợp đồng hai bên có thanh lý hợp đồng và bên A đã trả tiền cho B số tiền còn lại chưa trả. Như vậy, khi ký kết hợp đồng các bên có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập, khi tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định của Điều 385, 388, 401, 430, 432, 433, 435, 440 Bộ luật dân sự. Tại phiên toà bên A vắng mặt nhưng căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2021 có chữ ký của bên A và bên B xác định bên A nợ bên B số tiền nợ hàng mua bán xi măng trên chưa trả. Buộc bên A trả cho bên B số tiền nợ mua xi măng 2.560.262.997 đồng.

[4] Xét về yêu cầu Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất Thành phố H yêu cầu Công ty cổ phần T1 phải trả nợ số tiền nợ lãi 1.570.492.546 đồng.

Theo quy định tại mục 3.4 Điều 3 của hợp đồng quy định: Thanh toán chậm: *“Bên B đồng ý cho bên A chậm thanh toán tiền hàng bình quân trong vòng 45 ngày, với phương thức như sau: Trong tháng chia làm 02 đợt; đợt 1 từ ngày 01 đến ngày 15; đợt 2 từ ngày 16 đến ngày kết thúc hàng tháng. Sau mỗi đợt kết thúc, hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng và xuất hóa đơn. Chậm nhất trong*

vòng 35 - 40 ngày sau liền kề của mỗi đợt kết thúc, bên A thanh toán 100% công nợ phát sinh tương ứng của mỗi đợt cho bên B”.

Hơn nữa, bên B đã có thông báo cho bên A sẽ chịu lãi suất 10% năm trên số tiền chậm trả, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho bên A với mức lãi suất trên. Cho nên bên A phải chịu lãi suất cho bên B mức lãi suất 10% năm tính sau 45 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn là phù hợp với khoản 3 Điều 434, khoản 2, 3 Điều 440 Bộ luật dân sự. Do đó, buộc bên A phải trả cho bên B số tiền lãi chậm thanh toán.

[5] Từ các phân tích trên buộc Công ty cổ phần T1 phải trả cho Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất Thành phố H, số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/9/2025 là 4.130.755.543 đồng, trong đó, nợ gốc 2.560.262.997 đồng, nợ lãi 1.570.492.546 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với tổng số tiền 4.130.755.543 đồng là 72.000.000 đồng cộng phần vượt quá 2% của phần tranh chấp vượt quá 2.000.000.000 đồng là $2.130.755.543 \text{ đồng} \times 2\% = 42.615.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng 114.615.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 385, 388, 401, 430, 432, 433, 434, 435, 440 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất Thành phố H.

2. Buộc Công ty cổ phần T1 phải trả cho Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất Thành phố H số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/9/2025 là 4.130.755.543 đồng , trong đó, nợ gốc 2.560.262.997 đồng, nợ lãi 1.570.492.546 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 114.615.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất Thành phố H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất Thành phố H số tiền tạm ứng án phí 56.023.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005584 ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 25/9/2025, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 1;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Lộc